

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 10-12-2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Chu Tiến Dũng;
- Bà Lò Thị Ánh Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 27/11/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị P, sinh năm 1993.

Địa chỉ thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Y; “Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

2. **Bị đơn:** Anh Cầm Văn L, sinh năm 1996.

Địa chỉ thôn Ta T, xã P, thị xã N, tỉnh Y; “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Đinh Thị P trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị P và anh Cầm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã N, vào ngày 18 tháng 5 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã P; chị P và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do trong quá trình sống bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống diễn ra trong tình trạng căng thẳng; đến đầu năm 2021 chị P phát hiện anh L nghiện ma túy, đến tháng 01/2023 anh L bị bắt buộc đi cai nghiện, tháng 4/2024 hết thời hạn cai nghiện anh L trở về địa phương được một thời gian thì lại tái nghiện. Chị P và anh L đã sống ly thân từ tháng 6/2022; cả hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Cầm Văn L.

+ Con chung: Chị Đinh Thị P và anh Cầm Văn L có 01 con chung là Cầm Ngọc P, sinh ngày 16/4/2013; sau khi ly hôn chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh Cầm Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với anh Cầm Văn L nhiều lần, anh L cố ý không có mặt để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- Bản tự khai của cháu Cầm Ngọc P: Sau khi chị Đinh Thị P và anh Cầm Văn L ly hôn cháu P có nguyện vọng muốn được ở cùng chị P.

- Biên bản xác minh ngày 04/11/2024 tại thôn T, xã P: Chị Đinh Thị P và anh Cầm Văn L đều đăng ký hộ khẩu tại thôn T, xã P; hai người đăng ký kết hôn với nhau năm 2016. Sau khi kết hôn chị P và anh L về chung sống với nhau tại thôn T, xã P; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L nghiện ma túy. Hiện nay chị P và anh L sống ly thân với nhau; chị P đã đưa theo con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã H để sinh sống.

Đối với các văn bản tố tụng Tòa án đã gửi về cho anh L, chính quyền địa phương cũng đã gặp anh L để vận động, động viên anh L đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, anh L không hợp tác, cố ý lẩn tránh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ phát biểu quan điểm:

Tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị P được ly hôn anh Cầm Văn L.

- Con chung: Giao cháu Cẩm Ngọc P, sinh ngày 16/4/2013 cho chị Đinh Thị P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Anh Cẩm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tổ tụng: Chị Đinh Thị P khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị P và anh Cẩm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã N, vào ngày 15/8/2016 và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, hôn nhân của chị P và anh L là hợp pháp.

Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị P và anh L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L nghiện ma túy, chị P và anh L đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2022, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị P và anh L đã thật sự trầm trọng; đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Đinh Thị P được ly hôn với anh Cẩm Văn L.

[3] Con chung: Giữa chị Đinh Thị P và anh Cẩm Văn L có 01 con chung là Cẩm Ngọc P, sinh ngày 16/4/2013.

Đối với đề nghị của chị P, sau khi ly hôn chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng hiện cháu P đang ở cùng chị P, để không làm xáo trộn môi trường sống của cháu và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Vì vậy, để đảm bảo mọi mặt của con trẻ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị P không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Đinh Thị P phải chịu án phí.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đinh Thị P được ly hôn anh Cẩm Văn L.

2. Con chung:

Xử giao cho chị Đinh Thị P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Cẩm Ngọc P, sinh ngày 16/4/2013

Anh Cẩm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Cẩm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí:

Chị Đinh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số: AA/2023/0000934 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị P đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- Chi cục THADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân